

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Mỹ
Địa chỉ: Thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước.
(lần đầu)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Xét Đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Mỹ ở thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước;

Theo báo cáo của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 161/TTT-KNTC1 ngày 28 tháng 01 năm 2026 về kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ vụ việc và Văn bản số 254/TTT-KNTC1 ngày 06 tháng 02 năm 2026 về kết quả đối thoại và đề xuất giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Mỹ ở thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước; với các nội dung sau đây:

I. Nội dung khiếu nại:

Yêu cầu giải quyết bồi thường đối với diện tích 18,1m² đất ở nông thôn thuộc một phần thửa số 222, tờ bản đồ số 26; bồi thường và bố trí tái định cư đối với diện tích 53,1m² đất ở nông thôn thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 26; bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 563,4m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26 và bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.268,8m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 26 tại xã Tuy Phước do ảnh hưởng Dự án xây dựng kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư và Khu dân cư thuộc Khu Đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ:

1. Đối với diện tích 18,1m² đất thuộc một phần thửa số 222, tờ bản đồ số 26 có tổng diện tích 518,6m²:

Theo kết quả xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận (nay là xã Tuy Phước) tại Văn bản số 149/UBND-ĐC ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Văn bản số 134/UBND-ĐC ngày 14 tháng 8 năm 2024, như sau:

Hộ ông Phan Văn Minh (đã chết), vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ:

- Theo Bản đồ năm 1993, tờ bản đồ số 35, số thửa 18, diện tích 464m², loại đất ở, sổ mục kê ghi chủ sử dụng là ông Phan Văn Minh.

- Theo Bản đồ năm 2013, tờ bản đồ số 26, số thửa 222, tổng diện tích 518,6m², loại đất ở nông thôn, đăng ký tên chủ sử dụng là ông Phan Văn Minh, trong đó: *Phần diện tích 500,5m² là đất có nhà ở hình thành trước 15*

tháng 10 năm 1993 và phần diện tích $18,1\text{m}^2$ lấn chiếm sang đất nuôi trồng thủy sản của thửa đất số 47A, tờ bản đồ 35, diện tích 27.590m^2 (theo Hồ sơ địa chính năm 1993).

Hộ bà Nguyễn Thị Mỹ được Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án lập Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích $500,5\text{m}^2$ đất (gồm 500m^2 đất ở và $0,5\text{m}^2$ đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở), không bồi thường đối với diện tích $18,1\text{m}^2$ đất có nguồn gốc do hộ lấn chiếm đất nuôi trồng thủy sản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Theo yêu cầu của Thanh tra tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận có Văn bản số 18/BC-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữ nguyên kết quả xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Mỹ nêu trên. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 10 tháng 01 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước giữ nguyên nội dung xác nhận nêu trên của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận.

2. Đối với diện tích $53,1\text{m}^2$ đất thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 26:

Theo Hồ sơ địa chính năm 1993, diện tích $53,1\text{m}^2$ là phần diện tích đất mặt nước hoang thuộc thửa đất số 631C, tờ bản đồ 29, diện tích 7.430m^2 , chưa phân phối sử dụng.

Theo Hồ sơ địa chính năm 2013, là thửa đất số 178, tờ bản đồ số 26, ký hiệu thửa đất ONT (đất ở nông thôn) diện tích $53,1\text{m}^2$, ghi tên chủ sử dụng là ông Phan Văn Chơ (tên chính xác là ông Phan Văn Minh).

Thửa đất có nguồn gốc sau năm 1993, hộ ông Phan Văn Minh sử dụng để xây dựng nhà trông coi hồ nuôi trồng thủy sản, không phải sử dụng vào mục đích để xây dựng nhà ở. Hộ ông Phan Văn Minh và bà Nguyễn Thị Mỹ đã có nhà ở tại thửa đất số 222, tờ bản đồ 26, diện tích $518,6\text{m}^2$ đã được công nhận và bồi thường 500m^2 đất ở.

Do đó, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích $53,1\text{m}^2$ đất, chỉ tính bồi thường về nhà trông coi hồ nuôi trồng thủy sản và vật kiến trúc trên đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4373/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020. Hộ bà Nguyễn Thị Mỹ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với nhà trông coi hồ nuôi trồng thủy sản nêu trên.

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh, UBND xã Phước Thuận có Văn bản số 18/BC-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữ nguyên xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị Mỹ nêu trên. Theo Biên bản làm việc ngày 10 tháng 01 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước đã xác nhận, làm rõ quá trình sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Mỹ từ sau năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, hộ ông Phan Văn Minh sử dụng để xây dựng chòi trông coi hồ nuôi trồng thủy sản.

3. Đối với diện tích $563,4\text{m}^2$ đất thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26:

Theo kết quả xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận (nay là xã Tuy Phước) tại Văn bản số 102/UBND-ĐC ngày 13 tháng 6

năm 2024, như sau:

“- Theo Bản đồ năm 1993, tờ bản đồ số 29, thửa đất số 631B, diện tích $9.300m^2$, loại đất hoang bằng; Sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng là Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận.

- Theo Bản đồ năm 2013, tờ bản đồ số 26, số thửa 191, diện tích $563,4m^2$, loại đất nuôi trồng thủy sản (ký hiệu TSL), đăng ký tên chủ sử dụng là ông Trần Văn Hạng (vợ là bà Phan Thị Thanh).

- Về nguồn gốc đất: Thửa đất hình thành do hộ bà Phan Thị Thanh sử dụng trên một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 631B, tờ bản đồ số 29, loại đất hoang bằng, do Ủy ban nhân dân xã quản lý để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp (đất nuôi trồng thủy sản - TSL), thời điểm hình thành sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, hộ sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Về nhân hộ khẩu: Hộ bà Phan Thị Thanh đăng ký hộ khẩu tại thôn Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước. Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp”.

Căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc của Ủy ban nhân dân xã nêu trên, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án không lập Phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích $563,4m^2$ (thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26) cho hộ ông Trần Văn Hạng (vợ là bà Phan Thị Thanh), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024. Hộ ông Trần Văn Hạng chưa nhận tiền bồi thường.

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận có Văn bản số 18/BC-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 xác nhận, điều chỉnh nguồn gốc thửa đất với nội dung: thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26, diện tích $563,4m^2$, loại đất nuôi trồng thủy sản là do ông Phan Văn Minh (là chồng bà Nguyễn Thị Mỹ) sử dụng đất hoang của Ủy ban nhân dân xã quản lý (thuộc thửa đất số 631B, tờ bản đồ số 29, diện tích $9.300m^2$, Hồ sơ địa chính năm 1993, loại đất hoang bằng, chưa phân phối sử dụng) đã cải tạo để nuôi trồng thủy sản thời điểm từ sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến năm 1996 cho vợ chồng ông Trần Văn Hạng sử dụng. Đến năm 2005, vợ chồng ông Hạng không canh tác nữa mà trả lại cho em vợ ông Phan Thành Thông sử dụng đến khi thực hiện dự án. Việc kê khai bồi thường, hỗ trợ vào ngày 10 tháng 01 năm 2024 có tên ông Trần Văn Hạng trong Hồ sơ địa chính là để thực hiện các thủ tục bồi thường dự án. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 10 tháng 01 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước giữ nguyên nội dung xác nhận nêu trên của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận.

4. Đối với diện tích $5.268,8m^2$ đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 26:

Theo Hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất số 631B, tờ bản đồ số 29, diện tích $9.300m^2$, loại đất mặt nước hoang (ký hiệu Hg/b), chưa phân phối sử dụng.

Theo Hồ sơ địa chính năm 2013, thửa đất số 303, tờ bản đồ số 26, diện

tích 5.268,8m², loại đất nuôi trồng thủy sản (ký hiệu TSL), đứng tên người sử dụng là ông Lê Văn Trương.

Theo kết quả xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận: Thực tế tại thời điểm thống kê đất đai năm 2005 là phần diện tích đất hoang, không có chủ sử dụng và do Ủy ban nhân dân xã quản lý; còn theo kết quả đo đạc thống kê năm 2013, do ông Lê Văn Trương đứng tên chủ sử dụng là có sự nhầm lẫn trong việc xác định người sử dụng đất của đơn vị đo đạc. Thực tế đây là đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

Căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc của Ủy ban nhân dân xã nêu trên, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án không lập Phương án bồi thường đối với diện tích 5.268,8m² cho ông Lê Văn Trương hoặc cho hộ gia đình, cá nhân nào.

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận có Văn bản số 18/BC-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2025 xác nhận, điều chỉnh nguồn gốc thửa đất với nội dung: *“Thửa đất số 303, tờ bản đồ số 26, diện tích 5.268,8m² loại đất nuôi trồng thủy sản là do hộ ông Phan Văn Minh sử dụng đất hoang của Ủy ban nhân dân xã quản lý (theo Hồ sơ địa chính năm 1993, thuộc thửa đất số 631B, tờ bản đồ số 29, diện tích 9.300m², chưa phân phối sử dụng) hộ đã cải tạo để nuôi trồng thủy sản thời điểm từ năm 2001 đến khi thực hiện dự án”*. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 10 tháng 01 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước giữ nguyên nội dung xác nhận nêu trên của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận.

III. Kết quả đối thoại:

Thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1361/UBND-TD ngày 30 tháng 01 năm 2026, Chánh Thanh tra tỉnh đã chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức đối thoại với ông Phan Thành Thông (*được bà Nguyễn Thị Mỹ ủy quyền*) vào ngày 06 tháng 02 năm 2026, kết quả như sau:

Tại buổi đối thoại, đại diện các cơ quan tham dự thống nhất với kết quả kiểm tra, xác minh và đề xuất giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị Mỹ của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 161/TTT-KNTC1 ngày 28 tháng 01 năm 2026, theo đó:

- Việc bà Nguyễn Thị Mỹ yêu cầu bồi thường đối với diện tích 18,1m² đất ở nông thôn thuộc một phần thửa số 222, tờ bản đồ số 26 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; vì:

Thửa đất có tổng diện tích 518,6m², hộ bà Nguyễn Thị Mỹ đã được bồi thường đủ 500m² đất ở và 0,5m² đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở; hạn mức công nhận đất ở tại xã Phước Thuận được quy định tại thời điểm là 500m²; mặt khác, phần diện tích 18,1m² là đất lấn chiếm. Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 12 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở như sau: *“Đất có nhà ở hình thành trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nhưng không có Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 của Quy định này, tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không vi phạm quy*

định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp thì được bồi thường như sau: Trường hợp diện tích thửa đất có nhà ở bằng hoặc nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức công nhận đất ở thì được bồi thường theo giá đất ở đối với phần diện tích đất thực tế đang sử dụng bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức công nhận đất ở”, việc bà Nguyễn Thị Mỹ yêu cầu bồi thường đối với diện tích 18,1m² đất ở nông thôn thuộc một phần thửa số 222, tờ bản đồ số 26 là không có cơ sở.

- Việc bà Nguyễn Thị Mỹ yêu cầu bồi thường và bố trí tái định cư đối với diện tích 53,1m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 26 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; vì:

Theo Hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất số 178, tờ bản đồ số 26 là đất mặt nước hoang chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Hộ bà Nguyễn Thị Mỹ sử dụng để xây dựng nhà trồng coi hồ nuôi trồng thủy sản, thời điểm xây dựng giai đoạn sau 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, không phải sử dụng vào mục đích để xây dựng nhà ở. Hộ bà Nguyễn Thị Mỹ đã có nhà ở tại thửa đất số 222, tờ bản đồ 26, diện tích 518,6m² đã được công nhận và bồi thường 500m² đất ở. Căn cứ Điều 4 và Điều 12 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở thì việc bà Nguyễn Thị Mỹ yêu cầu bồi thường và bố trí tái định cư đối với diện tích 53,1m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 26 là không có cơ sở.

- Việc bà Nguyễn Thị Mỹ yêu cầu lập hồ sơ tính bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 563,4m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26 đứng tên hộ bà là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; vì:

Căn cứ kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26, diện tích 563,4m² loại đất nuôi trồng thủy sản có nguồn gốc do hộ bà Nguyễn Thị Mỹ sử dụng đất hoang, sau đó cho các con (vợ chồng ông Trần Văn Hạng và ông Phan Thành Thông lần lượt sử dụng) nhưng chưa lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục và chưa được cơ quan chức năng xác nhận. Theo Bản đồ năm 2013, tờ bản đồ số 26, số thửa 191, diện tích 563,4m², loại đất nuôi trồng thủy sản (ký hiệu TSL), đăng ký tên chủ sử dụng Trần Văn Hạng. Việc hồ sơ bồi thường đứng tên ông Trần Văn Hạng là phù hợp với nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất và Hồ sơ địa chính năm 2013. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Mỹ yêu cầu lập hồ sơ tính bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 563,4m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26 đứng tên hộ bà là không có cơ sở.

- Việc bà Nguyễn Thị Mỹ yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.268,8 m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 26 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; vì:

Theo Hồ sơ địa chính năm 1993, thửa đất số 303, tờ bản đồ số 26 là đất mặt nước hoang chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Hộ bà Nguyễn Thị Mỹ tự ý khai vỡ sử dụng từ 2001 đến khi thực hiện dự án; đồng thời, thửa đất này nằm ngoài phần diện tích đất đã được Nhà nước cân đối giao quyền cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Mỹ.

IV. Kết luận:

Qua xem xét nội dung đơn và kết quả kiểm tra, xác minh rà soát hồ sơ vụ việc, kết quả đối thoại; đối chiếu với các quy định của pháp luật, kết luận:

Không công nhận toàn bộ nội dung bà Nguyễn Thị Mỹ khiếu nại yêu cầu giải quyết bồi thường đối với diện tích 18,1m² đất ở nông thôn thuộc một phần thửa số 222, tờ bản đồ số 26; bồi thường và bố trí tái định cư đối với diện tích 53,1m² đất ở nông thôn thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 26; bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 563,4m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 191, tờ bản đồ số 26 và bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.268,8m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 26 tại xã Tuy Phước do ảnh hưởng Dự án xây dựng kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư và Khu dân cư thuộc Khu Đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Mỹ ở thôn Diêm Vân, xã Tuy Phước do ảnh hưởng Dự án xây dựng kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư và Khu dân cư thuộc Khu Đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước tổ chức công bố và giao Quyết định này đến bà Nguyễn Thị Mỹ trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định để thi hành.

Điều 3. Trong thời hạn Luật định, bà Nguyễn Thị Mỹ không đồng ý với Quyết định này có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính ra Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tuy Phước, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và bà Nguyễn Thị Mỹ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Tiếp công dân Trung ương;
- Chủ tịch và PCTTT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- CVP và các PCVP (TH, NN);
- Ban Tiếp công dân tỉnh;
- UBND xã Tuy Phước (02 bản);
- Lưu: T4, N4, VT, HSVV-TD.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

